

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày 24-9-2024

V/v “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tiến;

2. Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Quang Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-KDTM ngày 16/9/2024), giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N, địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thơm, chức vụ: Giám Đốc A Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng uỷ quyền lại cho ông Bùi Đăng Duy, chức vụ: Phó Giám Đốc A Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng và ông Nguyễn Hữu Cường, chức vụ: Trưởng Phòng Khách hàng A Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng (Quyết định uỷ quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 01/12/2022; Quyết định uỷ quyền số 15/QĐ-NHNo-PNHNo.TLHP-TH, ngày 02/01/2024; Quyết định uỷ quyền số 296/QĐ-NHNo-PNHNo.TLHP-TH, ngày 12/4/2024), vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị O, sinh năm 19xx; ông Lê Văn T, sinh năm 1974, cùng nơi cư trú: Khu 3 T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Văn V, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Yên, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Khu 3 thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Bùi Đăng D đại diện theo uỷ quyền trình bày: Được sự uỷ quyền của ông Lê Văn T, bà Vũ Thị O đã ký kết 03 hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng (viết tắt là A), cụ thể như sau:

- Ngày 12/01/2023, bà Vũ Thị O đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062 với A để vay số tiền 1.500.000.000 đồng; mục đích để bổ sung vốn kinh doanh xe máy, xe điện; thời hạn vay là 01 năm (kể từ ngày 12/01/2023 đến 12/01/2024); phương thức cho vay: Cho vay từng lần, lãi suất tại thời điểm vay là 11%/năm, được điều chỉnh 10%/năm từ ngày 01/8/2023 cho đến nay; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay này, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị O đã ký Hợp đồng thế chấp số 20223010103/HĐTC ngày 18/01/2022, thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 155m², thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu 3 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (viết tắt là: Thửa số 305), đã được Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) số ĐĐ589077 vào sổ cấp GCN số CS07362, ngày 30/12/2021 cho chủ sử dụng là ông Lê Văn T và bà Vũ Thị O, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Ngày 27/6/2023, bà O và A ký kết Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960 để vay A 500.000.000 đồng; mục đích để bổ sung vốn kinh doanh xe máy và các phụ tùng khác; thời hạn vay: 01 năm (kể từ ngày 27/6/2023 đến 27/6/2024); phương thức cho vay: Cho vay từng lần; lãi suất tại thời điểm vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay này của ông T, bà O, ông Vũ Văn V và bà Phạm Thị C đã ký hợp đồng thế chấp số 20203110618/HĐTC ngày 23/6/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 20203110618/VBSĐ ngày 24/6/2023, thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 472m², thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn Cương Nha, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (viết tắt là: Thửa số 197), đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tiên Lãng cấp GCN số CV202275 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02277, ngày 14/5/2020, cho chủ sử dụng là ông Vũ Văn V và bà Phạm Thị C, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

- Ngày 04/8/2023, bà O tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 với A để vay số tiền 950.000.000 đồng; mục đích để kinh doanh quần áo các loại; thời hạn vay: 01 năm (kể từ ngày 04/8/2023 đến 04/8/2024); lãi suất tại thời điểm vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất

vay; phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ngày 24/6/2022 ông Lê Văn T ký kết Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 137m², thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (viết tắt là: Thửa số 84), đã được UBND huyện Tiên Lãng cấp GCN số ADD848280 vào sổ cấp GCN số H01813, ngày 03/11/2005 cho bà Nguyễn Thị Yên. Ngày 20/6/2022, đã thừa kế, tặng cho ông Lê Văn T.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062, ngày 12/01/2023, A giải ngân 1.500.000.000 đồng cho bà O, ông T; ông bà đã trả A 150.863.017 đồng tiền lãi tính đến ngày 24/12/2023;

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960, ngày 27/6/2023 A đã giải ngân 500.000.000 đồng cho bà O, ông T; ông bà đã trả A 38.219.176 đồng đồng tiền lãi tính đến ngày 31/3/2024;

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246, ngày 04/8/2023, A đã giải ngân cho bà O, ông T; ông bà đã trả A 43.456.752 đồng, tính đến ngày 17/01/2024.

Do không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của mình theo nội dung các hợp đồng tín dụng mà ông bà đã ký kết với A. Vì vậy, các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên của ông bà đều chuyển sang nợ quá hạn. Kể từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng này A đã đôn đốc, tạo điều kiện cho bà O, ông T trả nợ nhiều lần nhưng ông bà không trả nợ nên A đã khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông bà phải trả các khoản tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Sau khi thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 02/2024/KDTM-ST ngày 20/5/2024 theo yêu cầu khởi kiện của A, ngày 25/7/2024, bà O, ông T đã tắt toán toàn bộ khoản vay đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062 ngày 12/01/2023, trả A tổng số tiền là 1.580.795.425 (trong đó nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn: 60.493.150 đồng; lãi quá hạn: 29.260.275 đồng). A đã làm thủ tục giải chấp đối với khoản vay này, trả lại GCN số DĐ589077 cho bà O, ông T. Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960 ngày 27/6/2023, bà O, ông T đã trả 280.000.000 nợ gốc vào ngày 21/8/2024, đến 23/8/2024 tổng số tiền: 236.513.101 (trong đó nợ gốc: 220.000.000 đồng, lãi trong hạn: 9.424.657 đồng; lãi quá hạn: 7.088.444 đồng) và giải chấp đối với khoản vay này; A đã trả GCN số CV202275 cho ông Vũ Văn V, bà Phạm Thị C. Như vậy, tính đến ngày 24/9/2024, bà O, ông T còn nợ A tổng số tiền: 1.007.572.603 đồng (trong đó nợ gốc: 950.000.000 đồng; lãi trong hạn: 52.263.014 đồng; lãi quá hạn: 5.309.589 đồng).

Ngày 04/9/2024, A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu bà O, ông T phải trả nợ đối với các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062, ngày 12/01/2024 và Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960, ngày 27/6/2023 và phát mãi tài sản thế chấp kèm theo do bà O, ông T đã tắt toán xong 02 khoản vay này.

Nay A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng buộc bà Vũ Thị O, ông Lê Văn T trả ngay A tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2024) là 1.007.572.603 đồng (trong đó, nợ gốc: 950.000.000 đồng; lãi trong hạn: 52.263.014 đồng; lãi quá hạn: 5.309.589 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 cho đến khi trả hết nợ cho A.

Nếu vợ chồng bà O, ông T không trả số tiền nêu trên, A Chi nhánh Tiên Lãng - Đông Hải Phòng đề nghị Tòa án tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC ngày 24/6/2022, Văn bản thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 044/2021/SĐBS ngày 01/12/2021. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho A. Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp còn thừa thì người thế chấp có quyền nhận lại phần còn thừa tương ứng. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà O, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho A.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (bà Phạm Thị O, ông Lê Văn T) thống nhất khai: Bà O, ông T xác nhận nội dung khởi kiện của A khởi kiện là đúng. Do có nhu cầu kinh doanh xe máy, phụ tùng xe máy, quần áo nên ông T đã uỷ quyền cho bà O vay vốn tại A theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062 ngày 12/01/2023 vay 1.500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960 ngày 27/6/2023 vay 500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 vay 950.000.000 đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông bà đã nhận đủ số tiền vay theo các hợp đồng tín dụng và cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận, cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062, đã trả A 150.863.017 đồng tiền lãi tính đến ngày 24/12/2023. Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960, đã trả A 38.219.176 đồng tiền lãi tính đến ngày 31/3/2024. Đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246, đã trả A 43.456.752 đồng, tính đến ngày 17/01/2024 thì không thể tiếp tục trả lãi theo thoả thuận do vợ chồng ông bà gặp khó khăn trong việc làm ăn kinh doanh. Nay, đồng ý trả nợ theo yêu cầu của A, tuy nhiên do hiện tại vợ chồng bà O gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị A giảm lãi, giãn thời gian trả nợ, tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà trả nợ dần.

Khi ký kết các hợp đồng uỷ quyền, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp các bên tham gia giao dịch đều hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc đe dọa, chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng uỷ quyền, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đều là của bà Vũ Thị O, ông Lê Văn T, ông Vũ Văn V và bà Phạm Thị C. Hiện tại trên Thửa số 84 chỉ có bà Nguyễn Thị Yên (mẹ đẻ ông T sinh sống; Thửa số 305 chỉ sử dụng để trồng cây, không ai sinh sống; toàn bộ tài sản trên Thửa số 84 và 305 đều là của ông T, bà O. Thửa số 197 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông V, bà C và chỉ có ông V, bà C sinh sống trên thửa đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Vũ Văn V, bà Phạm Thị C) thống nhất khai: Ông V, bà C xác nhận chị O, anh T là con gái và con rể của ông bà. Ông bà có đứng ra thế chấp quyền sử dụng diện tích 472m², thuộc thửa đất số

197, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn Cương Nha, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng để đảm bảo khoản vay 500.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng 2106LAV202300960 ngày 27/6/2023. Chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng thế chấp số 20203110618/HĐTC ngày 23/6/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 20203110618/VBSD ngày 24/6/2023 đều là của ông V, bà C, khi tham gia ký kết hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ông bà hoàn toàn minh mẫn, tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa. Nay A khởi kiện yêu cầu chị O, anh T trả nợ, theo nội dung Thông báo thụ lý số 02/TB-TLVA ngày 20/5/2024, ông bà có quan điểm đề nghị A giảm lãi, giãn thời gian trả nợ, tạo điều kiện cho chị O, anh T trả nợ dần vì anh chị gặp khó khăn trong làm ăn kinh doanh. Trường hợp chị O, anh T không trả được nợ, ông bà đồng ý với yêu cầu phát mãi của A. Hiện tại trên Thửa số 197 chỉ có ông V, bà C sinh sống, quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đều thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Yên) khai: Bà Yên khai, xác nhận bà là mẹ đẻ của anh Lê Văn T, mẹ chồng chị Vũ Thị O, hiện tại bà đang sinh sống trên Thửa số 84. Thửa đất này có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của người khác. Tuy nhiên, ngày 20/6/2022 bà Yên đã tặng cho riêng anh T quyền sử dụng thửa đất này cùng toàn bộ tài sản trên đất. Kể từ thời điểm tặng cho đến nay bà không xây dựng các công trình, vật kiến trúc nào trên đất. Bà Yên biết anh T đã thế chấp Thửa số 84 này cho A để đảm bảo khoản vay 950.000.000 đồng của anh T và chị O tại A. Nay A yêu cầu anh T chị O trả nợ khoản vay này, nếu không trả được nợ thì phát mãi quyền sử dụng Thửa số 84 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, bà Yên có quan điểm đề nghị A giảm lãi, giãn thời gian trả nợ, tạo điều kiện cho chị O, anh T trả nợ dần, do anh chị gặp khó khăn trong làm ăn kinh doanh. Trường hợp nếu không trả được nợ, phải phát mãi Thửa số 84 cùng toàn bộ tài sản trên đất, bà Yên đồng ý chuyển đến nơi khác sinh sống. Bà Yên khẳng định tài sản thế chấp này thuộc quyền sử dụng, sở hữu của anh T, hiện tại chỉ có một mình bà Yên đang sinh sống tại đây. Tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên trạng so với thời điểm thế chấp.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Phiên tòa đã được thực hiện theo đúng các quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp, hoà giải và tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có người đại diện theo uỷ quyền, không có đơn xin vắng mặt (mặc dù trước đó đã được Tòa án triệu tập hợp lệ) là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là khoản 7 Điều 4; Điều 99, Điều 100; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024); khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 157, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 323, khoản 1 Điều 357, Điều 401, Điều 429, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013 (nay là Điều 27, Điều 37, Điều 131 Luật Đất đai năm 2024); Điều 8, Điều 10, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Buộc bà Vũ Thị O và ông Lê Văn T phải trả A số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2024) là 1.007.572.603 đồng (trong đó nợ gốc: 950.000.000 đồng; lãi trong hạn: 52.263.014 đồng; lãi quá hạn: 5.309.589 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246, ngày 04/8/2023 cho đến khi trả hết nợ cho A. Trường hợp vợ chồng bà O, ông T không trả nợ cho A thì phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC ngày 24/6/2022. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062, ngày 12/01/2023; Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960, ngày 27/6/2023 và phát mại tài sản thế chấp kèm theo 02 hợp đồng tín dụng này. Về chi phí tố tụng: Bà O, ông T có trách nhiệm trả A khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng. Về án phí: Bà O, ông T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong vụ án Kinh doanh thương mại. Bị đơn là bà Vũ Thị O và ông Lê Văn T, có nơi cư trú tại: Khu 3 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tư cách đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960, ngày 27/6/2023: Ngày 21/8/2024, bà O, ông T trả A 280.000.000 đồng nợ gốc; ngày 23/8/2023 bà O, ông T tất toán trả trả A toàn bộ số tiền còn nợ, với tổng số tiền là 236.513.101 đồng (trong đó nợ gốc: 220.000.000 đồng, lãi trong hạn: 9.424.657 đồng; lãi quá hạn: 7.088.444 đồng. Cùng ngày, A giải chấp, trả lại ông Vũ Văn V, bà Phạm Thị C GCN số CV202275 cho ông Vũ Văn V. Do đó ông V, bà C không còn quyền và nghĩa vụ gì đối với A cũng như bà O, ông T. Căn cứ khoản 4 Điều 68, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông V, bà C không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn (bà Vũ Thị O và ông Lê Văn T); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Yên) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; không có người đại diện theo uỷ quyền, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Duy, ông Cường, bà O, ông T, bà Yên.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp:

[4.1] Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, lời khai của bị đơn (bà Vũ Thị O và ông Lê Văn T), các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được theo yêu cầu của nguyên đơn. Có đủ cơ sở xác định: Ngày 04/8/2023, được sự uỷ quyền của ông Lê Văn T, bà Vũ Thị O đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246. Theo đó, A Chi nhánh Tiên Lãng - Đông Hải Phòng cho vợ chồng bà O, ông T vay số tiền là 950.000.000 đồng; mục đích là để kinh doanh quần áo các loại; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; lãi suất tại thời điểm vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; thời hạn vay: 01 năm, kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

[4.2] Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, ông T đã thế chấp cho A quyền sử dụng 137m², thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 975525, vào sổ cấp GCN số AĐ848280 vào sổ cấp GCN số H01813, ngày 03/11/2005 do UBND Tiên Lãng cấp cho chủ sử dụng là ông Lê Văn T, theo Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC ngày 24/6/2022, số chứng thực 4939.2022/HĐTC, ngày 24/6/2022 tại Văn phòng Công chứng An Bình; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiên Lãng ngày 24/6/2022.

[4.3] Mặc dù hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết từ ngày 24/6/2022 nhưng đã được dẫn chiếu hiệu lực áp dụng theo quy định tại mục 1 Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023; mặt khác quá trình giải quyết vụ án bà O, ông T đều thừa nhận ông bà đã thế chấp quyền sử dụng 137m², thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng, huyện

Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023. Sau khi vay được giải ngân số tiền 950.000.000 đồng từ A, ông bà đã sử dụng chung trong việc kinh doanh quần áo. Do đó việc thỏa thuận này giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.4] Xét thấy, tại thời điểm ký kết hợp đồng uỷ quyền, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền; đủ năng lực hành vi dân sự; hoàn toàn tự nguyện; không bị ai ép buộc đe dọa; mục đích và nội dung thỏa thuận các hợp đồng tín dụng, thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; mặt khác hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định tại các điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320, 323, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 (nay là điểm a khoản 3 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024) và khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do đó Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 và Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC ngày 24/6/2022 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện các cam kết trong các hợp đồng trên.

[5] Về việc vi phạm hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm: Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246, ngày 04/8/2023, A đã giải ngân 950.000.000 đồng cho bà O, ông T. Như vậy A đã thực hiện đúng, xong nghĩa vụ của mình. Về phía bà O, ông T, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 17/01/2024. bà O, ông T trả A được 43.456.725 đồng thì không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ với A cho đến nay. Theo mục 4 Điều 1, Điều 2 và Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023; Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 04/8/2023 thì thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày 04/8/2023 đến 04/8/2024 (đã giải ngân vào ngày 04/8/2023); kỳ hạn trả lãi 01 tháng/01 lần, trả vào ngày 25 hàng tháng. Như vậy, bà O, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại mục 4 Điều 1, Điều 2 và Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023; Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 04/8/2023 nên A có quyền yêu cầu thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại điểm c mục 1 Điều 8 Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 và quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 và Điều 5, Điều 8 Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC ngày 24/6/2024.

[6] Từ những phân tích trên có đủ căn cứ khẳng định: Hợp đồng uỷ quyền ngày 26/6/2023; Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 và Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC ngày 24/6/2022 là hợp pháp, có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ các điều 116, 117, 118, 119, 209, 280, 288, 292, 293, 295, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 323, 401, 429, 463, 466, 468, 500, 502, 503 Bộ luật Dân sự, Điều 95, Điều 167, 179 Luật đất đai năm 2013 (nay là Điều 27, Điều 37, Điều 131 Luật Đất đai năm 2024) và khoản 1

Điều 8, Điều 10, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Agriank. Buộc bà O, ông T phải trả ngay A số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2024) là 1.007.572.603 đồng (trong đó, nợ gốc: 950.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 52.263.014 đồng, lãi quá hạn: 5.309.589 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 cho đến khi trả hết nợ cho A. Trường hợp bà O, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 137m², thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/9/2024, A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062, ngày 12/01/2023 và khoản vay 500.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960, ngày 27/6/2023; không yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm kèm theo do bà O, ông T đã trả nợ xong toàn bộ 02 khoản vay này. A đã giải chấp, trả GCN số CV202275 cho ông Vũ Văn V, bà Phạm Thị C; trả GCN số DĐ589077 cho ông Lê Văn T và bà Vũ Thị O. Xét thấy, các bên đã tự thỏa thuận, giải quyết xong với nhau đối với 02 khoản vay và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà O, ông T phải trả A số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300062, ngày 12/01/2023; Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202300960 ngày 27/6/2023 và yêu cầu phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 20223010103/HĐTC ngày 18/01/2022 và Hợp đồng thế chấp số 20203110618/HĐTC ngày 23/6/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 20203110618/VBSĐ ngày 24/6/2023 mà các bên liên quan đã ký kết trước đó.

[8] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp đủ 12.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này đã chi phí hết, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền này. Căn cứ Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải trả lại nguyên đơn khoản tiền này.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được làm tròn là 42.227.000 đồng [36.000.000 đồng + (207.572.603 đồng x 3%)].

[10] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay là khoản 7 Điều 4; Điều 99, Điều 100; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024); khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 157, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 323, khoản 1 Điều 357, Điều 401, Điều 429, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, Điều 167, 179 Luật đất đai năm 2013 (nay là Điều 27, Điều 37, Điều 131 Luật Đất đai năm 2024); Điều 8, Điều 10, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên cứ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A: Buộc vợ chồng bà Vũ Thị O, ông Lê Văn T phải trả cho A số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2024) là 1.007.572.603 đồng (trong đó, nợ gốc: 950.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 52.263.014 đồng, lãi quá hạn: 5.309.589 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023 cho đến khi trả hết nợ cho A.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bà O, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2106LAV202301246 ngày 04/8/2023.

3. Nếu vợ chồng bà O, ông T không trả nợ, thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp số 2022311623/HĐTC, ngày 24/6/2024 đã ký giữa ông Lê Văn T và A Chi nhánh Tiên Lãng - Đông Hải Phòng. Tài sản thế chấp là 137m² đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ848280 vào sổ cấp GCN số H01813, ngày 03/11/2005 do Ủy ban nhân dân

huyện Tiên Lãng cấp cho chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Yên. Ngày 20/6/2022, đã thừa kế, tặng cho ông Lê Văn T.

4. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp của bà O, ông T không đủ trả hết khoản nợ nêu trên thì bà O, ông T phải có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho A. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp của bà O, ông T sau khi trả hết khoản nợ trên mà còn thừa thì ông T được nhận lại phần giá trị thừa này.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị O và ông Lê Văn T phải trả A 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí: Bà Vũ Thị O và ông Lê Văn T phải chịu 42.227.000 (Bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn) đồng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại A 29.314.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm mười bốn nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu số 0009016 ngày 15 tháng 5 năm 2024.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng ;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán -
Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Văn Tiến

Vũ Đức Bình

Phạm Thị Huyền Trang